

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/06/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+CTK3+BK20	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+1	0+0+0	chuyen 2 ctk3-bk20
2		TD5+AMD	7:25	15+7	0+0		8+14	0+0	
3		TD3+TD5	7:25	13+9	0+0		10+12	0+0	
4		T.UNG	7:25	15	0		19	0	
5		TD3+VSP01+P5	9:25	12+10+0	0+0+0		8+10+3	0+0+0	
6		TGTH4+TGTH5+AMD	9:25	4+6+12	0+0+0		3+6+13	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2024	TO: VSP01 - CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - HTrung - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUBOCHKIN	VSP01	45	1	5		80	KH-THAC	Russian
2	HUYNH KIM KHANH	VSP01	52	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HOANG THANH	VSP01	47	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC THIÊN	VSP01	41	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NAM SINH	VSP01	40	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	39	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN TRƯỞNG	VSP01	54	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH TIẾN BÌNH	VSP01	50	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HAI ĐĂNG	VSP01	44	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ QUANG THANH	VSP01	56-57	2	8		74	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN QUỐC TUAN	VSP01	38	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRỌNG NAM	VSP01	51	1	7		91	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VĂN TUYẾN	VSP01	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH LỢI	VSP01	46	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG PHUC LUONG	VSP01					82	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THANH TUÂN	VSP01	48	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUY DONG	VSP01	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	42	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU ĐÌNH LỰC	VSP01	55	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THUY	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TÂN SANG	VSP01	49	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	20	107	1.635	0	20		CHUYEN 02 PAX TU CTK3 SANG BK20
2	CTK3	0	0	0	0	20	0 + 2		
3	BK20	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	20	107	1.635	20	21		
WEIGHT KG				107	1.635	20			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/06/2024	TO: P4 - TD2 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THẾ TRƯỞNG	P4	97	1	10		79	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	92	1	4		70	KHI	Vietnamese
3	ĐINH NGỌC QUY	P4	87	1	5	15	77	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TRẠI	P4	96	1	4		62	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	91	1	5		72	KHI	Vietnamese
6	TẠ XUÂN HIỆU	P4	89	1	5		65	KHI	Vietnamese
7	DOÀN THANH CÔNG	P4	88	1	9		76	KHI	Vietnamese
8	PHAN HỒNG TÂM	P4	94-95	2	11		60	KHI	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	700	1	7		81	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	98	1	4		63	KHI	Vietnamese
11	BUI ĐĂNG TIỀN	P4	99	1	5		69	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	93	1	3		70	KHI	Vietnamese
13	LÊ TRUNG LAM	P4	90	1	4		72	KHI	Vietnamese
14	VU THANH BÌNH	PPD	73-74	2	12		83	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NĂM	PPD	69	1	3		67	KHI	Vietnamese
16	PHAN VĂN TÙNG	PPD	84	1	10		75	KHI	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC TUẤN	PPD	70	1	4	7	70	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	85	1	3		71	KHI	Vietnamese
19	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	86	1	7		76	KHI	Vietnamese
20	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	72	1	5		85	KHI	Vietnamese
21	PHẠM TÀI	PPD	71	1	11		74	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	75	1	7		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	14	76	916	15	9	1	CHUYEN 1 PAX TU P4-TD2 CHUYEN 1 PAX TU TD2-PPD
2	TD2	0	0	0	0	90	1	1	
3	PPD	9	10	62	681	7	12		
TOTAL		22	24	138	1.597	112	22		
WEIGHT KG				138	1.597	112			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/06/2024	TO: TD1 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - Toan	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG HA TAI	TD1	88	1	5		110	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NHAT THANH	TD1	99	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH LOC	TD1				55	80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN KHUONG	TD1	96	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VU XUAN QUY	TD1	95	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN HUY THAI	TD1	97-98	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG QUOC THANG	TD1	91-92	2	19		80	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VO DINH DUY	TD1	89-90	2	18		72	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN NGOC	TD1	93-94	2	8		67	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	96-97	2	12		70	KHI	Vietnamese
11	KOLESNIK A.Y	PPD	66	1	7		100	KHI	Russian
12	LE MINH PHUNG	PPD	98	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	94-95	2	15		80	KHI	Vietnamese
14	PHUNG VAN CHINH	PPD	99	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	PHAM HAI QUANG	PPD	200	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	DO VAN THANH	PPD	199	1	5		83	KHI	Vietnamese
17	VU MANH HUNG	PPD	93	1	4		70	KHI	Vietnamese
18	CHU MINH PHUONG	PPD	92	1	5	40	67	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN DUC HOA	PPD	91	1	7		65	KHI	Vietnamese
20	TRINH CONG BINH	PPD	99	1	5		64	KHI	Vietnamese
21	LE QUANG NINH	PPD					63	KHI	Vietnamese
22	TRAN HOANG QUYEN	PPD	700,27	2	10		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	12	80	717	55	7		
2	PPD	13	15	85	947	40	15		
TOTAL		22	27	165	1.664	95	22		
WEIGHT KG				165	1.664	95			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: RP2 - CTC1 - RP3	CREW: Linh - MTHAO - DTùng	ETA: 09:30
VANG-1			

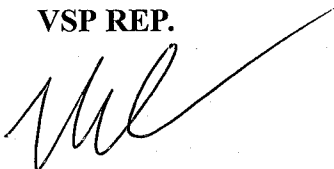
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV A.	RP2	29	1	3		75	KH-THAC	Russian
2	KRAMARENKO	RP2					71	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	RP2				5	65	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ NGỌC BẾN	CTC1	35	1	12	45	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐẠI KHOA	CTC1	38	1	14		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	CTC1	36	1	14		132	KH-THAC	Vietnamese
7	TÀ HỒNG QUÂN	CTC1	39	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
8	IUKHIMCHUK A	CTC1	37	1	10		83	KH-THAC	Russian
9	VŨ VĂN DOANH	RP3				60	70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	14	1	4		58	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	13	1	2		59	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN SEN	RP3	07	1	4		68	KHI	Vietnamese
13	LÂM TIẾN PHI	RP3	11	1	5		85	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	06	1	4		75	KHI	Vietnamese
15	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	15	1	7		78	KHI	Vietnamese
16	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	12	1	4		62	KHI	Vietnamese
17	HÀ THẾ BAO	RP3	10	1	7		77	KHI	Vietnamese
18	PANKRTOV R	RP3	17	1	10		95	KHI	Russian
19	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	08-09	2	10		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT KỶ	RP3	16	1	5		71	KHI	Vietnamese
21	PHẠM VĂN LẬP	RP3	05	1	5		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	3	1	3	211	5	0		
2	CTC1	5	5	62	417	45	0		
3	RP3	13	13	67	928	60	14		
TOTAL		21	19	132	1.556	110	14		
WEIGHT KG				132	1.556	110			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/06/2024	TO: P8 - BK19	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAZAREV A.	P8	44	1	6		83	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VĂN QUẾ	P8	43	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM MINH DUONG	P8	97	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ VĂN ĐÓN	P8	98	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG ĐẠO	P8	40	1	14		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG MINH	P8	85	1	13		96	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI XUÂN NGỌC	P8	82-83	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC HUY	P8	48	1	9		69	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC TÍNH	P8	94-95	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG PHÚC	P8	92-93	2	23	35	62	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC TÙNG	P8	88-90	3	16		75	YTE	Vietnamese
12	DƯƠNG TRI NAM	P8	91	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU BAO	P8	65	1	12		92	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG THẮNG	P8	49	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TÚ ANH	P8	36-37	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	96	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	86-87	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NAM HAI	P8	99,5000	2	13		92	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	38-39	2	8		74	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUANG HUY	P8	34	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VINH DUNG	P8	84	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN HOANG GIANG	P8	81	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	22	31	231	1.629	35	14		
2	BK19	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	31	231	1.629	35	22		
WEIGHT KG				231	1.629	35			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/06/2024	TO: P6 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - Toan	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNHIAVSKY D.	P6	97	1	8		110	KH-THAC	Russian
2	PIATOV S.	P6	98	1	12		102	KH-THAC	Russian
3	ĐẠO TRƯỜNG SƠN	P6					82	KH-THAC	Vietnamese
4	HA DUY ĐÔNG	P6	95	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG TIẾN DŨNG	P6	84	1	5	40	84	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG THỌ TAM	P6	94	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN HOÀN	P6	99	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH HOÀN	P6	95-96	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	77-78	2	19		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P6	87	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
11	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	P6	83-84	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC SƠN	P6	81	1	5		85	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY KHANG	P6	89	1	10		82	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU NHAN	P6	90	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC QUÝ	P6	96	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG THAI ANH	P6	93	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SAU	P6	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐẠI THANH	P6	900	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠO NGUYỄN HUNG	P6	91	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN KHANH	P6	88	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HOANG TRƯỞNG	P4				50	80	KHI	Vietnamese
22	PHAN ĐÌNH NHAM	P4	60	1	5		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	20	22	147	1.567	40	14		
2	P4	2	1	5	140	50	8		
TOTAL		22	23	152	1.707	90	22		
WEIGHT KG				152	1.707	90			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: P2 - P8 - P6	CREW: Linh - MTHAO - DTùng	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC KHANG	P2	50	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY HIỆU	P2	48	1	13		81	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM MINH VŨ	P2	54-55	2	19	35	78	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT LỘC	P2	56-57	2	19		58	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG HỮU VINH QUY	P2	58	1	15		76	CODIEN	Vietnamese
6	LÊ VĂN NINH	P2	52-53	2	23		70	CODIEN	Vietnamese
7	LAM QUANG THANH	P2	46-47	2	15		90	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC LỆ	P2	45	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	BUI LONG HUNG	P2	59-60	2	22		69	PSV	Vietnamese
10	PHẠM THANH HÙNG	P2	51	1	5		63	PSV	Vietnamese
11	LÊ TUẤN VŨ	P2	61	1	6		95	PSV	Vietnamese
12	KIỀU VĂN TUẤN	P2	48	1	3		80	PSV	Vietnamese
13	LÊ NGỌC HÙNG	P2	62	1	3		63	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NHAN	P8					60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG VĂN TUNG	P8	57-58	2	5		59	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH ĐỨC TRUNG	P8	53	1	12		89	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN BÁC	P8	59	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VĂN TUẤN	P8	56	1	9		54	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH QUANG KHANH	P8	54-55	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO KIM SÂM	P6	09	1	3	33	62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY NGỌC	P6	07-08	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN HỒNG GIANG	P6	10	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	18	156	963	35	9		
2	P8	6	7	49	400	0	2		
3	P6	3	4	28	203	33	11		
TOTAL		22	29	233	1.566	68	22		
WEIGHT KG				233	1.566	68			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/06/2024	TO: BK21 - TTC2 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - PTUẤN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HUY	BK21	47	1	11		83	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRI HAO	BK21					70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN TRỌNG TUƠNG	BK21	50	1	14	20	77	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	BK21	46	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC HUY	BK21	48-49	2	20		65	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỞNG	BK21	45	1	6		70	PSV	Vietnamese
7	PHUNG MINH HIẾU	TTC2	11	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯU VĂN AN	TTC2	13	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ PHƯƠNG	TTC2	14	1	4	35	55	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TIỀN QUY	TTC2	12	1	6		67	PSV	Vietnamese
11	LÊ QUANG HUY	P6	73	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN THAI	P6	04	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	P6	74	1	3		78	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC HUNG	P6	69	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	PHẠM THẾ CÔNG	P6	76	1	5		58	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HUY	P6	71	1	6		88	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY CẢNH	P6	70	1	4		54	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN QUÂN	P6	75	1	5		59	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC VIỆT	P6	72	1	7	15	59	PSV	Vietnamese
20	LÊ QUY TOÀN	P6	05-06	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI DUY TÂN	P6	01	1	4	20	67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	6	6	57	442	20	4		
2	TTC2	4	4	19	256	35	5		
3	P6	11	12	64	722	35	9		
TOTAL		21	22	140	1.420	90	18		
WEIGHT KG				140	1.420	90			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/06/2024	TO: RP3 - RP2 - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TTrung - Son - NNam	ETA: 14:05
CAM-3			

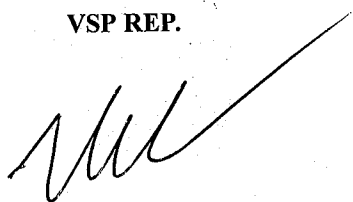
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	28	1	5	30	65	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN KÝ	RP3	26	1	6		65	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DOANH	RP3	31-32	2	12		66	KHI	Vietnamese
4	TRẦN HỮU ĐỨC	RP3	29	1	10		88	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN DŨNG	RP3	30	1	10		77	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN NHƯ THANH	RP3	21-22	2	13		74	KHI	Vietnamese
7	NGÔ VÕ BÌNH	RP3	23	1	8		65	KHI	Vietnamese
8	LÊ HUYNH PHÚC	RP3	24-25	2	15		58	KHI	Vietnamese
9	ĐOÀN CÔNG LUẬN	RP3	36-37	2	8	30	55	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN NGỌC	RP3	35	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY QUYÊN	RP3	27	1	5		71	PSV	Vietnamese
12	MAI XUÂN TRỤ	RP3	34	1	6		70	PVGAS	Vietnamese
13	VŨ VĂN SƠN	RP3	33	1	3		55	PVGAS	Vietnamese
14	MAI VÕ TRƯỞNG GIANG	P8	80-81	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH TÂM	P8	82	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VĂN SƠN	P8	77-78	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	P8	74	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI KHÁC THUY	P8				24	66	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM DUY CHUNG	P8	79	1	8		68	DK9	Vietnamese
20	THAI QUÂN	P8	84-85	2	19		62	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN KHIÊM HIỆU	P8	83	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

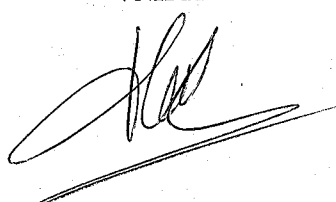
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	17	111	880	60	2		
2	RP2	0	0	0	0	0	3		
3	P8	8	10	92	539	24	17		
TOTAL		21	27	203	1.419	84	22		
WEIGHT KG				203	1.419	84			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



600 VSP